TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2022/DS-ST

Ngày: 07- 4-2022

V/v tranh chấp dân sự
hợp đồng góp hụi và vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Rỡ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Ngân

2. Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Ngọc Soan là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân*** *tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Hoài – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 180/2021/TLST-DS ngày 07 tháng 7 năm 2021 về tranh chấp dân sự hợp đồng góp hụi và vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2022/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 02 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2022/QĐST-DS ngày 17/3/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

1/ Ông M, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Ấp Hòa Bình 3, xã Hòa Lạc, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

2/ Bà D, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Tổ 01, ấp Phú Trung, xã Phú Thành, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

Chỗ ở hiện nay: Ấp Hòa Bình 3, xã Hòa Lạc, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang

3/ Bà B, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Tổ 14, ấp Phú Trung, xã Phú Thành, huyện Phú Tân, tỉnh An

Giang.

4/ Bà K, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Tổ 14, ấp Phú Trung, xã Phú Thành, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

5/ Bà O, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Tổ 14, ấp Phú Trung, xã Phú Thành, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

6/ Ông T, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Tổ 20, ấp Phú Thượng, xã Phú Thành, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

Bị đơn:

1/ Ông D, sinh năm 1972

2/ Bà P, sinh năm 1972

Cùng địa chỉ: Tổ 19, ấp Phú Trung, xã Phú Thành, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

(Nguyên đơn có mặt, bà B vắng mặt có đơn xin vắng; bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết, cũng như tại phiên tòa các nguyên đơn trình bày:

Giữa nguyên đơn và bị đơn là bà P và ông D có giao kết hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi, bà P và ông D là chủ hụi và các nguyên đơn là hụi viên. Do ông D và bà P vi phạm nghĩa vụ thực hiện hợp đồng, ông bà bỏ đi khỏi địa phương từ ngày 05/01/2021 âm lịch đến tháng 11/2021 trở về địa phương, nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông D và bà P có nghĩa vụ liên đới trả cho các nguyên đơn số tiền hụi và tiền vay, cụ thể như sau:

**** Ông M yêu cầu:***

Năm 2020 ông có tham gia chơi hụi do bà P làm chủ. Dây hụi khui ngày 15/5/2020 âm lịch, loại hụi 1.000.000 đồng, nửa tháng khui một lần, dây hụi có 26 phần, ông tham gia 2 phần và mua lại 1 phần giá 21.600.000 đồng, trong danh sách hụi có số thứ tự số 5 tên "Chín Đạo". Đóng hụi đến tháng thứ 8 là ngày 30/12/2020 âm lịch (16 lần) thì bà P ngưng hụi và bỏ đi. Hụi mãn vào ngày 15/6/2021 âm lịch (tức 24/7/2021).

Theo đơn khởi kiện ông M yêu cầu bà Pcùng chồng là ông D có nghĩa vụ liên đới trả lại số tiền vốn hụi và lãi hụi 53.600.000 đồng, cụ thể:

(1.000.000 đồng x 2 phần) x 16 lần + 21.600.000 đ (tiền mua hụi) = 53.600.000 đồng

Do bị đơn trình bày vốn hụi 10.450.000 đồng/phần, ông thống nhất vốn hụi nên thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bị đơn trả vốn hụi và tiền mua

hụi 21.600.000. Tổng cộng là (10.450.000 đồng x 2) + 21.600.000 đồng = 42.500.000 đồng.

*** Bà D yêu cầu:**

Năm 2019 bà có tham gia 03 dây hụi do bà P làm chủ, cụ thể như sau:

1/ Dây hụi khui ngày 05/10/2019 âm lịch, loại hụi 500.000 đồng, nửa tháng khui một lần, dây hụi có 41 phần, bà tham gia 2 phần, trong danh sách hụi có số thứ tự số 32, 33 tên "D". Đóng hụi đến lần thứ 33 là ngày 05/01/2021 âm lịch thì bà P ngưng hụi và bỏ đi. Hụi mãn vào ngày 29/6/2021 dl. Số tiền vốn hụi và lãi hụi là (33 lần x 500.000đ x 2 phần) = 33.000.000 đồng

Đối với dây hụi này bị đơn không nhớ vốn chầu và đồng ý trả vốn hụi và lãi hụi như nguyên đơn yêu cầu nên bà yêu cầu trả đủ 33.000.000 đồng

2/ Dây hụi khui ngày 10/12/2019 âm lịch, loại hụi 1.000.000 đồng, một tháng khui một lần, dây hụi có 46 phần, bà tham gia 1 phần, trong danh sách hụi có số thứ tự số 1 tên "D". Đóng hụi đến lần thứ 14 là ngày 13/01/2021 âm lịch thì bà Phương ngưng hụi và bỏ đi. Hụi mãn vào ngày 10/9/2023. Số tiền vốn hụi và lãi hụi là 14 lần x 1.000.000đ = 14.000.000 đồng

Bị đơn cho rằng vốn hụi là 7.070.000 đồng nên bà đồng ý với vốn hụi, bà thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bị đơn trả vốn hụi 7.070.000đồng

3/ Dây hụi khui ngày 16/01/2020 âm lịch, loại hụi 2.000.000 đồng, một tháng khui một lần, dây hụi có 23 phần, bà tham gia 1 phần, trong danh sách hụi có số thứ tự số 17 tên "D". Đóng hụi đến lần thứ 13 là ngày 13/01/2021 âm lịch thì bà P ngưng hụi và bỏ đi. Hụi mãn vào ngày 10/9/2023. Số tiền vốn hụi và lãi hụi là 13 lần x 2.000.000đ = 26.000.000 đồng

Bị đơn cho rằng vốn hụi là 16.640.000 đồng/phần, nên bà đồng ý với vốn hụi, bà thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bị đơn trả vốn hụi 16.640.000 đồng.

Ngoài ra ngày 24/12/2020 âm lịch bà còn cho bà P và ông D vay số tiền 80.000.000 đồng, khi vay ông D và bà P có làm biên nhận nợ do ông D và bà P ký tên.

Nay bà yêu cầu bà Pvà ông D có nghĩa vụ liên đới trả cho bà tiền hụi 56.710.000 đồng, vốn vay 80.000.000 đồng, tổng cộng là 136.710.000 đ

* ***Bà B yêu cầu:***

Năm 2020 bà có tham gia 02 dây hụi do bà P làm chủ, cụ thể như sau:

1/ Dây hụi khui ngày 16/01/2020 âm lịch, loại hụi 2.000.000 đồng, một tháng khui một lần, dây hụi có 23 phần, bà tham gia 2 phần, trong danh sách hụi có số thứ tự số 11, 12 tên "5 Thùng" là tên chồng bà. Đóng hụi đến lần thứ 13 là ngày 13/01/2021 âm lịch thì bà P ngưng hụi và bỏ đi. Hụi mãn vào ngày 10/9/2023. Số tiền vốn hụi và lãi hụi là (13 lần x 2.000.000đ) x 2 phần = 52.000.000 đồng

Bị đơn thừa nhận vốn hụi 16.640.000đồng/phần, bà thống nhất và yêu cầu bị đơn trả vốn hụi 16.640.000đồng/phần x 2 phần = 33.280.000 đồng.

2/ Dây hụi khui ngày 19/6/2020 âm lịch, loại hụi 200.000 đồng/tuần, dây hụi có 72 phần, bà tham gia 2 phần, bà P không giao danh sách hụi. Đóng hụi đến lần thứ 29 là ngày 09/01/2021 âm lịch thì bà P ngưng hụi và bỏ đi. Hụi mãn vào tháng 12/2021 âl. Số tiền vốn hụi và lãi hụi là (29 lần x 200.000đ) x 2 phần = 11.600.000 đồng

Bị đơn thừa nhận vốn hụi 3.215.000đồng/phần, bà thống nhất. Bà yêu cầu bị đơn trả vốn hụi 3.215.000đồng/phần x 2 phần = 6.430.000 đồng

Nay bà yêu cầu bà P và ông D có nghĩa vụ liên đới trả cho bà tiền hụi tổng cộng là 39.710.000 đồng

* ***Bà K yêu cầu:***

Năm 2018 bà có tham gia 04 dây hụi do bà P làm chủ, cụ thể như sau:

1/ Dây hụi khui ngày 20/12/2018 âm lịch, loại hụi 1.000.000 đồng/tháng, dây hụi có 31 phần, bà tham gia 1 phần, trong danh sách hụi có số thứ tự số 3 tên "K". Đóng hụi đến lần thứ 26 thì bà P ngưng hụi và bỏ đi. Hụi mãn vào ngày 29/6/2021 dl. Số tiền vốn hụi và lãi hụi là (26 lần x 1.000.000đ) = 26.000.000 đồng

Bị đơn không nhớ vốn chầu và đồng ý trả 26.000.000 đồng nên bà yêu cầu trả đủ 26.000.000đồng

2/ Dây hụi khui ngày 05/10/2019 âm lịch, loại hụi 500.000 đồng, nửa tháng khui một lần, dây hụi có 41 phần, bà tham gia 1 phần, trong danh sách hụi có số thứ tự số 1 tên "K". Đóng hụi đến lần thứ 33 là ngày 05/01/2021 âm lịch thì bà P ngưng hụi và bỏ đi. Hụi mãn vào ngày 29/6/2021 dl. Số tiền vốn hụi và lãi hụi là (33 lần x 500.000đ) = 16.500.000 đồng

Bị đơn không nhớ vốn chầu và đồng ý trả 16.500.000 đồng nên bà yêu cầu trả đủ 16.500.000đồng

3/ Dây hụi khui ngày 10/12/2019 âm lịch, loại hụi 1.000.000 đồng, một tháng khui một lần, dây hụi có 46 phần, bà tham gia 2 phần, trong danh sách hụi có số thứ tự số 4, 5 tên "K". Đóng hụi đến lần thứ 14 là ngày 13/01/2021 âm lịch thì bà P ngưng hụi và bỏ đi. Hụi mãn vào ngày 10/9/2023. Số tiền vốn hụi và lãi hụi là 14 lần x 1.000.000đ x 2 phần = 28.000.000 đồng

Bị đơn cho rằng vốn hụi là 7.070.000 đồng/phần, bà đồng ý, yêu cầu bị đơn trả 7.070.000 đồng x 2 = 14.140.000 đồng

4/ Dây hụi khui ngày 15/5/2020 âm lịch, loại hụi 1.000.000 đồng, nửa tháng khui một lần, dây hụi có 31 phần, bà tham gia 1 phần, trong danh sách hụi có số thứ tự số 2 tên "K". Đóng hụi đến lần thứ 16 là ngày 30/12/2020 âm lịch thì bà P ngưng hụi và bỏ đi. Hụi mãn vào ngày 30/7/2021 âl. Số tiền vốn hụi và lãi hụi là 16 lần x 1.000.000đ = 16.000.000 đồng

Bị đơn cho rằng vốn hụi là 10.450.000 đồng/phần, bà đồng ý và yêu cầu bị đơn trả 10.450.000 đồng

Nay bà yêu cầu bà P và ông D có nghĩa vụ liên đới trả cho bà tiền hụi tổng cộng là 67.090.000 đồng

* ***Bà O yêu cầu:***

1/ Dây hụi khui ngày 05/10/2019 âm lịch, loại hụi 500.000 đồng, nửa tháng khui một lần, dây hụi có 41 phần, bà tham gia 2 phần, trong danh sách hụi có số thứ tự số 3, 4 tên "Bà 7". Đóng hụi đến lần thứ 33 là ngày 05/01/2021 âm lịch thì bà P ngưng hụi và bỏ đi. Hụi mãn vào ngày 29/6/2021 dl. Số tiền vốn hụi và lãi hụi là (33 lần x 500.000đ x 2 phần) = 33.000.000 đồng

Đối với dây hụi này bị đơn không nhớ vốn chầu và đồng ý trả cả vốn và lãi hụi 33.000.000 đồng nên bà yêu cầu trả vốn và lãi hụi 33.000.000 đồng

2/ Dây hụi khui ngày 10/12/2019 âm lịch, loại hụi 1.000.000 đồng, một tháng khui một lần, dây hụi có 46 phần, bà tham gia 2 phần, trong danh sách hụi có số thứ tự số 2, 3 tên "Bà 7" và mua thêm 1 phần của bà G, nên trong dây hụi này bà có 3 phần. Đóng hụi đến lần thứ 14 là ngày 13/01/2021 âm lịch thì bà P ngưng hụi và bỏ đi. Hụi mãn vào ngày 10/9/2023. Số tiền vốn hụi và lãi hụi là 14 lần x 1.000.000đ x 3 phần = 42.000.000 đồng

Nhưng bị đơn cho rằng vốn châu là 7.070.000 đồng/phần, bà thống nhất. Bà tham gia 3 phần nên tổng số tiền là 21.210.000 đồng. Ngoài ra, bà còn đưa cho bà P 81 triệu đồng để mua 3 phần hụi của dây hụi này. Trước đây, bị đơn có thừa nhận bà có đưa tiền nhưng lại không nhớ bao nhiêu vì vậy bà yêu cầu bị đơn phải trả đủ 21.210.000 đồng tiền vốn hụi và 81.000.000 đồng tiền mua hụi. Tổng cộng là 102.210.000 đồng

3/ Dây hụi khui ngày 16/01/2020 âm lịch, loại hụi 2.000.000 đồng, một tháng khui một lần, dây hụi có 23 phần, bà tham gia 2 phần, trong danh sách hụi có số thứ tự số 18, 19 tên "Bà 7". Đóng hụi đến lần thứ 13 là ngày 13/01/2021 âm lịch thì bà P ngưng hụi và bỏ đi. Hụi mãn vào ngày 10/9/2023. Số tiền vốn hụi và lãi hụi là (13 lần x 2.000.000đ) x 2 phần = 52.000.000 đồng

Bị đơn thừa nhận vốn hụi 16.640.000 đồng/phần, bà thống nhất. Bà yêu cầu bị đơn trả vốn hụi 16.640.000đồng x 2 =33.280.000 đồng.

4/ Dây hụi khui ngày 19/6/2020 âm lịch, loại hụi 200.000 đồng/tuần, dây hụi có 72 phần, bà tham gia 2 phần, bà P không giao danh sách hụi. Đóng hụi đến lần thứ 29 là ngày 09/01/2021 âm lịch thì bà P ngưng hụi và bỏ đi. Hụi mãn vào tháng 12/2021 âl. Số tiền vốn hụi và lãi hụi là (29 lần x 200.000đ) x 2 phần = 11.600.000 đồng. Trong dây hụi này bà có mua 01 phần hụi với số tiền 16.000.000 đồng.

Bị đơn thừa nhận vốn hụi 3.215000 đồng/phần và 16.000.000 đồng tiền mua hụi, bà thống nhất. Bà yêu cầu bị đơn trả 3.215.000 đồng x 2 = 6.430.000 đồng vốn hụi và 16.000.000 đồng tiền mua hụi. Tổng cộng là 22.430.000 đồng

5/ Dây hụi khui ngày 20/12/2018 âm lịch, loại hụi 1.000.000 đồng/tháng, dây hụi có 31 phần, bà tham gia 1 phần, trong danh sách hụi có số thứ tự số 2 tên "Bà 7". Đóng hụi đến lần thứ 26 thì bà P ngưng hụi và bỏ đi. Hụi mãn vào ngày 29/6/2021 dl. Số tiền vốn hụi và lãi hụi là (26 lần x 1.000.000đ) = 26.000.000 đồng

Bị đơn đồng ý trả vốn và lãi 26.000.000 đồng nên bà yêu cầu trả vốn và lãi là 26.000.000 đồng

6/ Dây hụi khui ngày 15/5/2020 âm lịch, loại hụi 1.000.000 đồng, nửa tháng khui một lần, dây hụi có 31 phần, bà tham gia 1 phần, trong danh sách hụi có số thứ tự số 5 tên "Bà 7". Đóng hụi đến lần thứ 16 là ngày 30/12/2020 âm lịch thì bà P ngưng hụi và bỏ đi. Hụi mãn vào ngày 30/7/2021 âl. Số tiền vốn hụi và lãi hụi là 16 lần x 1.000.000đ = 16.000.000 đồng

Bị đơn thừa nhận vốn hụi 10.450.000 đồng/phần, bà thống nhất. Bà yêu cầu bị đơn trả 10.450.000 đồng.

7/ Dây hụi khui ngày 15/11/2020 âm lịch, loại hụi 100.000 đồng/ngày, dây hụi có 120 phần, bà tham gia 10 phần, không có danh sách hụi. Đóng hụi đến lần thứ 55 là ngày 10/01/2021 âm lịch thì bà P ngưng hụi và bỏ đi. Hụi mãn

vào ngày 14/3/2021 âl. Số tiền vốn hụi và lãi hụi là (55 lần x 100.000đ) x 10 phần = 55.000.000 đồng

Bị đơn đồng ý trả vốn và lãi 55.000.000 đồng nên bà yêu cầu trả vốn và lãi là 55.000.000 đồng

Nay bà yêu cầu bà P và ông D có nghĩa vụ liên đới trả cho bà tiền hụi và tiền mua hụi tổng cộng là 282.370.000 đồng.

* **Ông T yêu cầu**: Ông tham gia hụi do bà P làm chủ. Dây hụi khui ngày 05/10/2019 âm lịch, loại hụi 500.000 đồng, nửa tháng khui một lần, dây hụi có 41 phần, ông tham gia 1 phần, trong danh sách hụi có số thứ tự số 34 tên "T". Đóng hụi đến lần thứ 33 là ngày 05/01/2021 âm lịch thì bà P ngưng hụi và bỏ đi. Hụi mãn vào ngày 29/6/2021 dl. Số tiền vốn hụi và lãi hụi là (33 lần x 500.000đ) = 16.500.000 đồng

Bị đơn đồng ý trả vốn và lãi hụi 16.500.000 đồng nên ông yêu cầu trả vốn và lãi là 16.500.000 đồng

Tại biên bản hòa giải ngày 15/12/2021 và biên bản lấy lời khai ngày 23/12/2021 bị đơn bà P và ông D trình bày: Ông bà có mở 7 dây hụi như nguyên đơn trình bày:

Bà P và ông D bắt đầu làm chủ hụi vào khoảng năm 2017, hình thức chơi hụi là hụi hoa hồng. Đến kỳ bỏ hụi, hụi viên đến nhà bỏ hụi trực tiếp, hụi viên nào bỏ hụi cao nhất thì được hốt hụi, chủ hụi có nghĩa vụ góp tiền của những hụi viên còn lại để chầu hụi cho hụi viên được hốt. Hụi viên được hốt sẽ trả cho chủ hụi một khoản tiền theo thỏa thuận. Hụi viên hốt rồi phải chầu hụi chết, nếu hụi viên không chầu hụi thì chủ hụi sẽ bỏ tiền ra để chầu cho hụi viên được hốt và có quyền yêu cầu hụi viên không góp hụi trả lại số tiền chủ hụi góp thay. Mỗi lần mở hụi mới bị đơn có lập danh sách hụi viên đưa cho từng hụi viên, nhưng có người lấy người không, riêng dây hụi 100.000đ/ngày ông bà không lập danh sách hụi viên. Ông bà mở hụi là tự phát chứ không đăng ký với chính quyền địa phương theo quy định pháp luật do ông bà không biết về qui định này.

Thu nhập từ tiền hụi để phục vụ như cầu sinh hoạt gia đình. Khi mở hụi ông D lập danh sách hụi, bà P là người trực tiếp đi góp hụi và đưa danh sách cho các hụi viên.

Trong quá trình góp hụi có nhiều hụi viên hốt rồi nhưng không góp hụi chết bị đơn đã nhiều lần chầu hụi thay. Đến đầu năm 2021 bị đơn không còn khả năng chầu thay cho các hụi viên đó nên ngưng hụi đến nay, khi bị đơn ngưng hụi còn 7 dây hụi chưa mãn như các nguyên đơn yêu cầu. Các danh sách hụi nguyên đơn cung cấp do ông D lập và gửi cho nguyên đơn. Biên nhận nợ ngày 24/12/2020 âm lịch là do ông D ghi nội dung và ký tên lăn tay, chữ viết tên "P" là do ông D ghi, bà P chỉ lăn tay.

Trong 07 dây hụi mà các nguyên đơn yêu cầu hiện nay có dây hụi đã mãn có dây chưa mãn, bị đơn không nhớ cụ thể dây nào. Do hiện nay bị đơn đã ngưng hụi nên đồng ý trả cho các nguyên đơn. Đối với những dây hụi không nhớ vốn chầu thì đồng ý trả vốn hụi và lãi hụi như nguyên đơn yêu cầu. Đối với những dây hụi nhớ vốn chầu thì yêu cầu được trả theo vốn chầu, không trả lãi hụi. cụ thể:

- Bốn dây hụi bị đơn nhớ vốn chầu gồm:

1- Dây hụi khui ngày 16/01/2020 âm lịch, loại hụi 2.000.000 đồng, một tháng khui một lần, khui được 13 lần, vốn chầu 16.640.000 đồng/phần,

2- Dây hụi khui ngày 15/5/2020 âm lịch, loại hụi 1.000.000 đồng, nửa tháng khui một lần, khui được 16 lần, vốn chầu 10.450.000 đồng.

3- Dây hụi khui ngày 10/12/2019 âm lịch, loại hụi 1.000.000 đồng, một tháng khui một lần, khui được 14 lần, vốn chầu 7.070.000 đồng

4- Dây hụi khui ngày 19/6/2020 âm lịch, loại hụi 200.000 đồng/tuần, khui được 29 lần, vốn chầu 3.215.000 đồng

- Ba dây hụi bị đơn không nhớ vốn chầu gồm:

1- Dây hụi khui ngày 20/12/2018 âm lịch, loại hụi 1.000.000 đồng/tháng.

2- Dây hụi khui ngày 05/10/2019 âm lịch, loại hụi 500.000 đồng.

3- Dây hụi khui ngày 15/11/2020 âm lịch, loại hụi 100.000 đồng/ngày.

Đối với số tiền bà O mua hụi 81.000.000 đồng, bị đơn xác nhận bà O có đưa cho bị đơn nhiều lần nhưng không nhớ bao nhiêu. Đối với số tiền 16.000.000 đồng bị đơn thống nhất bà O có đưa cho bị đơn để mua hụi.

Đối với tiền vay 80.000.000 đồng của bà D, bị đơn thừa nhận có vay, mục đích vay để chầu hụi thay các hụi viên đã hốt nhưng không chầu và đồng ý trả cho bà D vốn vay 80.000.000 đồng.

Hiện nay hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên bị đơn xin trả dần, mỗi người 500.000 đồng/tháng. Riêng bà O bị đơn xin trả mỗi tháng 2.000.000đồng đến khi hết nợ.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật, đối với bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt khi xét xử không rõ lý do, cho thấy với bị đơn chấp hành pháp luật tố tụng chưa nghiêm .

Về giải quyết vụ án:

Đề nghị chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn: M, D, B, K và O, vì còn trong phạm vi đơn khởi kiện theo Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Về giải quyết vụ án: căn cứ các sổ hụi, danh sách hụi, biên nhận nợ vay, lời trình bày của nguyên đơn, những người làm chứng và lời thừa nhận của bị đơn P, D thì bà P và ông D có tham gia làm chủ hụi, có vay tiền của nguyên đơn và còn nợ số tiền như các nguyên đơn yêu cầu. Việc bà P và ông D không trả tiền hụi, tiền vay cho các nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Do đó yêu cầu của các nguyên đơn có căn cứ chấp nhận.

Căn cứ Điều 5, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 466, 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 37, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm

2014; Điều 21 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của các nguyên đơn:

Buộc bị đơn P và D có nghĩa vụ liên đới trả cho các nguyên đơn tiền hụi, tiền vay với số tiền cụ thể như sau:

1. M (Chín Đạo) 42.500.000 đồng

2. D 136.710.000 đồng (trong đó tiền hụi 56.710.000 đồng và tiền vay 80.000.000 đồng).

3. B 39.710.000 đồng

4. K 67.090.000 đồng

5. O 282.370.000 đồng

6. T 16.500.000 đồng.

Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án. Bị đơn bà P ông D phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Các nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền hụi và tiền vay, đây là quan hệ pháp luật "Tranh chấp hợp đồng góp hụi và vay tài sản" quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Bị đơn có nơi cư trú tại ấp Phú Trung, xã Phú Thành, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng:

[2.1] Tòa án nhân dân huyện Phú Tân đã tống đạt, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa; nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không rõ lý do. Nguyên đơn Bcó đơn xin vắng mặt khi xét xử vì vậy Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên Tòa án xét xử vắng mặt bà Bằng và bị đơn theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2.2] Về thay đổi yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn M, D, B, K và O. Việc thay đổi yêu cầu còn trong phạm vi đơn khởi kiện, phù hợp với Điều 5 Bộ luật tố Tụng dân sự, nên được chấp nhận.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Các đương sự đều khai từ 20/12/2018 đến ngày 15/11/2020 có giao kết hợp đồng góp hụi, bà P và ông D là chủ hụi và nguyên đơn là hụi viên, loại

hụi hoa hồng, đến kỳ mở hụi ai là người trả lãi cao nhất thì được hốt hụi, chủ hụi có trách nhiệm thu tiền của các hụi viên khác giao cho hụi viên được hốt và chủ hụi được hưởng một phần tiền hoa hồng theo thỏa thuận với hụi viên được hốt, nếu có hụi viên nào không góp hụi thì chủ hụi có nghĩa vụ nộp thay cho hụi viên đó và hụi viên này sẽ trả lại cho chủ hụi. Ngoài ra, còn có nguyên đơn mua hụi và cho bị đơn vay tiền, bị đơn có viết biên nhận vay tiền của bà D, bị đơn có nhận của bà O tiền mua hụi, còn nhận bao nhiêu thì bị đơn không nhớ. Tháng 01/2021 âm lịch bị đơn bỏ đi khỏi địa phương và đến tháng 11/2021 bị đơn trở về địa phương. Bị đơn cho rằng do nhiều hụi viên hốt rồi nhưng không chầu, bị đơn phải chầu thay, đến tháng 01/2021 âm lịch không còn khả năng chầu thay nên ngưng hụi và bỏ đi.

[3.2] Xét yêu cầu của các nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng đây là hình thức hụi có lãi và hưởng hoa hồng, các bên đương sự thống nhất đối với những dây hụi bị đơn nhớ vốn chầu thì trả cho nguyên đơn vốn chầu, đối với những dây hụi bị đơn không nhớ vốn chầu thì bị đơn đồng ý trả cả vốn và lãi hụi như nguyên đơn yêu cầu. Bị đơn thừa nhận có vay tiền của bà D 80.000.000 đồng, có nhận tiền của bà O nhiều lần là tiền bà O mua hụi nhưng bị đơn không nhớ bao nhiêu, cũng không phản đối yêu cầu trả tiền mua hụi 97.000.000 đồng của bà O.

Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt và không có ý kiến bằng văn bản phản đối yêu cầu trên của nguyên đơn. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định *" Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh"*, Hội đồng xét xử khẳng định bị đơn còn nợ tiền góp hụi, tiền mua hụi và tiền vay của các nguyên đơn.

[3.3] Về tiền lãi hụi, lẽ ra phải điều chỉnh tiền lãi trên tổng số tiền vốn góp mà các nguyên đơn đã thực nộp cho bị đơn theo mức lãi 20%/năm theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 21 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường, nhưng bị đơn không nhớ vốn hụi và đồng ý trả vốn hụi và lãi hụi như nguyên đơn yêu cầu nên không cần thiết xem xét điều chỉnh tiền lãi hụi.

[3.3] Bị đơn xác nhận thu nhập từ hụi dùng để chi tiêu sinh hoạt gia đình. Cả ông D và bà P cùng thực hiện mở hụi và góp hụi cũng như vay tiền của nguyên đơn nên ông D và bà P có trách nhiệm liên đới trả nợ hụi và tiền vay cho các nguyên đơn.

[3.4] Từ phân tích trên, căn cứ vào Điều 463, khoản 1 Điều 466 và Điều 471 Bộ luật Dân sự 2015 và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát chấp nhận yêu cầu của các nguyên đơn, buộc ông D và bà P phải có nghĩa vụ liên đới trả cho các nguyên đơn số tiền hụi và tiền vay như Kiểm sát viên đề nghị nêu trên.

[4] Về án phí sơ thẩm, căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì ông D và bà P phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 266 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27, khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào các Điều 463, 465, 466, 471 và 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường

Căn cứ khoản 1 Điều 74, Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn. Buộc ông D và bà P có nghĩa vụ liên đới trả số tiền góp hụi và tiền vay cho các nguyên đơn sau đây:

- M (Chín Đạo) 42.500.000 đồng

- D 136.710.000 đồng (trong đó tiền hụi 56.710.000 đồng và tiền vay 80.000.000 đồng).

- B 39.710.000 đồng

- K 67.090.000 đồng

- O 282.370.000 đồng (trong đó tiền hụi là 185.370.000 đồng và tiền mua hụi 97.000.000 đồng).

- T 16.500.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hằng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông D và bà P phải chịu án phí sơ thẩm là 27.395.200 đồng

- Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho các nguyên đơn tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh An Giang, cụ thể như sau:

+ Ông M (Chín Đạo) 1.340.000đ theo biên lai thu tiền số 001972 ngày 26/3/2021

+ Bà D 3.800.000đ theo biên lai thu tiền số 003949 ngày 19/5/2021

+ Bà M 1.590.000đ theo biên lai thu tiền số 003950 ngày 19/5/2021

+ Bà K 2.160.000đ theo biên lai thu tiền số 003948 ngày 19/5/2021

+ Ông T 300.000đ theo biên lai thu tiền số 004063 ngày 07/7/2021

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân;
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn phòng.

Lý Thị Rỡ

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**